
Bản án số: 35/2021/ DSST
Ngày 08/07/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Bà Phan Thị Trúc Phương

2/ - Bà Nguyễn Thị Việt Tím

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân – Thư

Ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 08 tháng 07 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2021/ TLST- DS ngày 04 tháng 06 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/ QĐXXST- DS ngày 22 tháng 06 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm: 1968 (có mặt)

Địa chỉ: số 34, ấp Đ L, xã T Đ, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ N A, xã T Đ, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Tòng Bá P, sinh năm 1974 (chồng của bà Nguyễn Thị T) (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ N A, xã T Đ, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X trình bày: Nguyên trước đây tôi có bán thiếu vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu) cho bà Nguyễn Thị T. Đến ngày 25/03/2019 hai bên ngồi tính toán nợ với nhau, cụ thể là bà T thừa nhận còn thiếu nợ của tôi số tiền gốc phân bón và thuốc trừ sâu là 51.994.000đ (năm mươi một triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Bà T có làm biên nhận nợ ngày 25/03/2019 với tôi, thỏa thuận lãi suất chậm trả giữa hai bên là 2%/1tháng và bà T có thỏa thuận với tôi là sau 30 ngày, vào ngày 25/04/2019 sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho tôi. Sau đó cũng trong ngày 25/03/2019 bà T vay của tôi số tiền là 48.006.000đ (bốn mươi tám triệu không trăm lẻ sáu nghìn đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/1 tháng, lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận nợ ngày 25/03/2019, mục đích bà T vay tiền của tôi là để lấy vốn làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, bà T hứa với tôi sau 30 ngày kể từ ngày vay, vào ngày 25/04/2019 bà T sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho tôi. Tổng cộng bà T nợ tôi tiền phân bón, thuốc trừ sâu và tiền vay là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Đến nay thì bà T vẫn không có đóng lãi và trả nợ gốc tiền phân bón, thuốc trừ sâu và tiền vay cho tôi mặc dù tôi có đến nhà bà T đòi nợ nhiều lần nhưng bà T chỉ hứa mà không thực hiện việc trả nợ.

Nay tại phiên tòa, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Tòng Bá P có nghĩa vụ liên đới trả cho tôi số tiền gốc tiền phân bón, thuốc trừ sâu và tiền vay tổng cộng là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: bà Nguyễn Thị T vắng mặt không lý do nên không thể trình bày

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Tòng Bá P trình bày: ông Tòng Bá P vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** bà Nguyễn Thị T với tư cách là bị đơn và ông Tòng Bá P với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa hôm nay, bà T và ông P vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Tòng Bá P, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ”. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T và ông Tòng Bá P là phù hợp theo quy định pháp luật.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa bà Nguyễn Thị Thanh X với bà Nguyễn Thị T là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản”.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X yêu cầu bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Tòng Bá P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà X số tiền gốc phân bốn thốc trừ sâu là 51.994.000đ (năm mươi một triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng) và tiền vay là 48.006.000đ (bốn mươi tám triệu không trăm lẻ sáu nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì trước đây bà T có mua thiếu phân bón và thuốc trừ sâu của bà X, Đến ngày 25/03/2019 thì bà X và bà T ngồi tính toán nợ với nhau thì tổng cộng bà T còn nợ bà X số tiền gốc phân bón và thuốc trừ sâu là 51.994.000đ (năm mươi một triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng), bà T có làm biên nhận nợ ngày 25/03/2019 với bà X, thỏa thuận lãi suất chậm trả giữa hai bên là 2%/tháng và bà T có thỏa thuận với bà X là sau 30 ngày, vào ngày 25/04/2019 sẽ trả hết nợ

gốc và lãi cho bà X. Sau đó cũng trong ngày 25/03/2019 bà T vay của bà X số tiền gốc là 48.006.000đ (bốn mươi tám triệu không trăm lẻ sáu nghìn đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/1 tháng, lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận nợ ngày 25/03/2019, mục đích bà T vay tiền của bà X là để lấy vốn làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, bà T thỏa thuận với bà X sau 30 ngày kể từ ngày vay, vào ngày 25/04/2019 bà T sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho bà X. Tổng cộng bà T nợ bà X tiền gốc phân bón, thuốc trừ sâu và tiền vay là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Đến hạn trả nợ thì bà T không thực hiện việc trả nợ và bà X nhiều lần đến nhà bà T đòi nợ nhưng bà T chỉ hứa chứ không trả nợ cho bà X và được biết mục đích bà T vay tiền của bà X là lấy vốn làm ăn để phát triển kinh tế gia đình và mang lại thu nhập chung cho gia đình, theo khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30....”; theo khoản 1 Điều 30: “vợ, chồng có nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy số tiền mà bà T nợ bà X tiền phân bón, thuốc trừ sâu và tiền vay, tổng cộng là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) được coi là nợ chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P.

Nay tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thanh X yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Tòng Bá P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà X số tiền gốc phân bón, thuốc trừ sâu 51.994.000đ (năm mươi một triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng) và tiền vay 48.006.000đ (bốn mươi tám triệu không trăm lẻ sáu nghìn đồng), tổng cộng là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật.

Lời yêu cầu của bà X phù hợp với Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 463 và Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có

thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản.

3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này.

Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định:

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Như vậy số tiền lãi phân bón, thuốc trừ sâu trong vụ kiện này tính từ ngày 25/04/2019 đến ngày xét xử hôm nay là ngày 08/07/2021 là 803 ngày cụ thể như sau: $51.994.000đ \times 1,66\% \times 803 \text{ ngày} = 23.102.320đ$ tính tròn là 23.102.000đ (hai mươi ba triệu một trăm lẻ hai nghìn đồng) và số tiền lãi tiền vay trong vụ kiện này tính từ ngày 25/04/2019 đến ngày xét xử hôm nay là ngày 08/07/2021 là 803 ngày cụ thể như sau: $48.006.000đ \times 1,66\% \times 803 \text{ ngày} = 21.330.345đ$ tính tròn là 21.330.000đ (hai mươi một triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc phân bón, thuốc trừ sâu, tiền vay và tiền lãi là 144.432.000đ (một trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng).

[4] **Về án phí DSST:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của bà X được chấp nhận nên bà X không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà X số tiền là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên

lai thu số 0004624 ngày 04/06/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P phải nộp: $144.432.000đ \times 5\% = 7.221.600đ$ tính tròn là 7.222.000đ (bảy triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 463, Khoản 1 Điều 468 Bộ Luật Dân Sự năm 2015, khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X.

3/ Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Tòng Bá P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh X số tiền gốc và lãi là 144.432.000đ (một trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thanh X có đơn yêu cầu Thi hành án nếu bà Nguyễn Thị T và ông Tòng Bá P không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Tòng Bá P nộp 7.222.000đ (bảy triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Thanh X số tiền là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004624 ngày 04/06/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà Nguyễn Thị Thanh X biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Nhật